

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 23-4-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hưng Bình.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Vũ Tiến và bà Thái Thị Hồng Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Sinh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế - số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2021/TLPT-HNGĐ ngày 21/01/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 110/2020/HNGĐ-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thanh T, sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Địa chỉ liên lạc: Thôn H, xã L, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn P, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Hoàng Thị Thanh T và Anh Lê Văn P trên cơ sở yêu nhau tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 28 tháng 01 năm 2011.

Theo chị T trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng vào làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm trong cuộc sống của vợ chồng có sự khác nhau. Đến tháng 01 năm 2020 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị T trở về quê nhà sinh sống. Anh P vẫn ở lại làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh và từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Sau thời gian ly

thân, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên đã có đơn yêu cầu được ly hôn với Anh Lê Văn P.

Về con chung, chị T xác nhận: Vợ chồng có một con chung là Lê Hoàng Bảo T1, sinh ngày 05/4/2013, hiện ở cùng mẹ. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu về cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn là Anh Lê Văn P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho Anh P tại địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú là Thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, nhưng Anh Lê Văn P không có mặt để làm việc với Tòa án.

Đến ngày 02/11/2020, Tòa án nhận được “Đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt đề ngày 17/9/2020” của Anh Lê Văn P do chị T nộp. Theo đơn xin vắng mặt, Anh P trình bày: Về tình cảm, Anh P đồng ý ly hôn với chị T; Về con chung, Anh P đồng ý giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản nợ chung, Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thu H ở huyện M, thành phố Hồ Chí Minh công chứng hợp pháp. Do bị đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, chị T vẫn yêu cầu được ly hôn với Anh P và xin được quyền nuôi con. Các vấn đề khác chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 110/2020/HNGĐ-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 51, Điều 55; Điều 81, 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, Khoản 2 Điều 208, khoản 3 Điều 212, khoản 1 Điều 238 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Chị Hoàng Thị Thanh T với các nội dung sau:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Hoàng Thị Thanh T và Anh Lê Văn P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự với các nội dung sau:

- Về con chung: Các đương sự cùng xác nhận có 01 con chung là Lê Hoàng Bảo T1, sinh ngày 05/4/2013 hiện đang ở với mẹ.

- Giao cho Chị Hoàng Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Hoàng Bảo T1 kể từ ngày tuyên án đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

- Về cấp dưỡng, về tài sản và nợ chung: Các đương sự đều không có yêu cầu nên không đề cập.

3. Về án phí sơ thẩm, xử: Chị Hoàng Thị Thanh T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng; Nhưng chị T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000.đ theo phiếu thu số 0000972 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nên được khấu trừ là đủ không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo nội dung tại mục 3 phần quyết định của bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết. Đối với nội dung tại mục 1 và 2 phần quyết định có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2020/HNGĐ-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện P với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 110/2020/HNGĐ-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, chuyển hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; không có vấn đề gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

- Về việc giải quyết vụ án: Tuy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng nhưng xét nguyện vọng của các đương sự đều mong muốn được ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh để sửa bản án và cho chị T, Anh P được ly hôn là hợp tình, hợp lý.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, lời khai của đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kháng nghị trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét, giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Hoàng Thị Thanh T và Anh Lê Văn P kết hôn hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Theo chị T trình bày: “Do tính cách quan điểm không hợp nhau nên chị T đã về quê sinh sống từ tháng 01/2020 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Sau thời gian ly thân, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên xin ly hôn”. Ý kiến của Anh P cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung, các đương sự đều xác nhận: Vợ chồng có 01 con là cháu Lê Hoàng Bảo T1, sinh ngày 05/4/2013, hiện ở với chị T. Chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Ý kiến của Anh P cũng đồng ý giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Cháu T1 có nguyện vọng ở với chị T.

- Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu về cấp dưỡng; Anh P trình bày: “vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết”. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết.

[2.2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về phạm vi khởi kiện và việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, cũng như toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị T đều yêu cầu ly hôn với Anh P. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, chị T và Anh P chưa cùng có mặt tại Tòa án nên không tiến hành thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các đương sự cũng vắng mặt, nhưng tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phân ly hôn, nuôi con. Việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong khi các đương sự không có mặt tại Tòa án để thỏa thuận là vi phạm khoản 2 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi hòa giải Anh P vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên do các đương sự không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chỉ xét xử theo hồ sơ và xem xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa để quyết định chấp nhận hay không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Việc Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xử công nhận thuận tình ly hôn giữa hai đương sự; công nhận thỏa thuận về nuôi con chung và tuyên không cho các đương sự được kháng cáo về các phần này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kháng nghị bản án là có căn cứ. Tuy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nhưng sau khi nhận được bản án, Anh P, chị T đều có ý kiến đồng ý với bản án sơ thẩm, không kháng cáo và nguyện vọng của các đương sự đều tha thiết được ly hôn để ổn định cuộc sống. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thay đổi nội dung kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Xét bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P có những vi phạm về thủ tục tố tụng, lẽ ra bản án này bị hủy và giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thực tế các đương sự đều đã nhận bản án và không kháng cáo. Họ đều khẳng định tình cảm vợ chồng giữa họ đã hết và nguyện vọng xin được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với thực tế khách quan của vụ án.

Về án phí sơ thẩm:

- Chị Hoàng Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại phiếu thu số 0000972 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự **huyện P** là đủ nên không phải nộp thêm.

Về án phí phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2574/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/12/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Sửa bản án sơ thẩm số: 110/2020/HNGĐ-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Chị Hoàng Thị Thanh T với các nội dung sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thanh T được ly hôn với Anh Lê Văn P;

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Hoàng Bảo T1, sinh ngày 05/4/2013 cho Chị Hoàng Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi; Anh Lê Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Hoàng Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại phiếu

thu số 0000972 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P là đủ nên không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền và nghĩa vụ yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về án phí phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT Huế;
- Tòa án nhân dân huyện P;
- VKSND huyện P ;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Tòa DS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Hưng Bính**